

Số: 2569 /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày ...16... tháng 9 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Hoàng Thuận Phát tại Văn bản số 10/HTP ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy bia miền Trung” và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ...345.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày ...24... tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hoàng Thuận Phát, địa chỉ tại thôn Như Xuân, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy bia miền Trung” tại Thôn Như Xuân, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy bia miền Trung.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Như Xuân, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký doanh nghiệp số 4200433431 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 18 ngày 06 tháng 10 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 4200433431

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bia, nước giải khát có ga.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: công suất 12.000.000 lít/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Hoàng Thuận Phát được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Hoàng Thuận Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang, UBND xã Vĩnh Phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 31/08/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy bia Miền Trung tại thôn Như Xuân, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi số 764/QĐ-UBND ngày 20/03/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

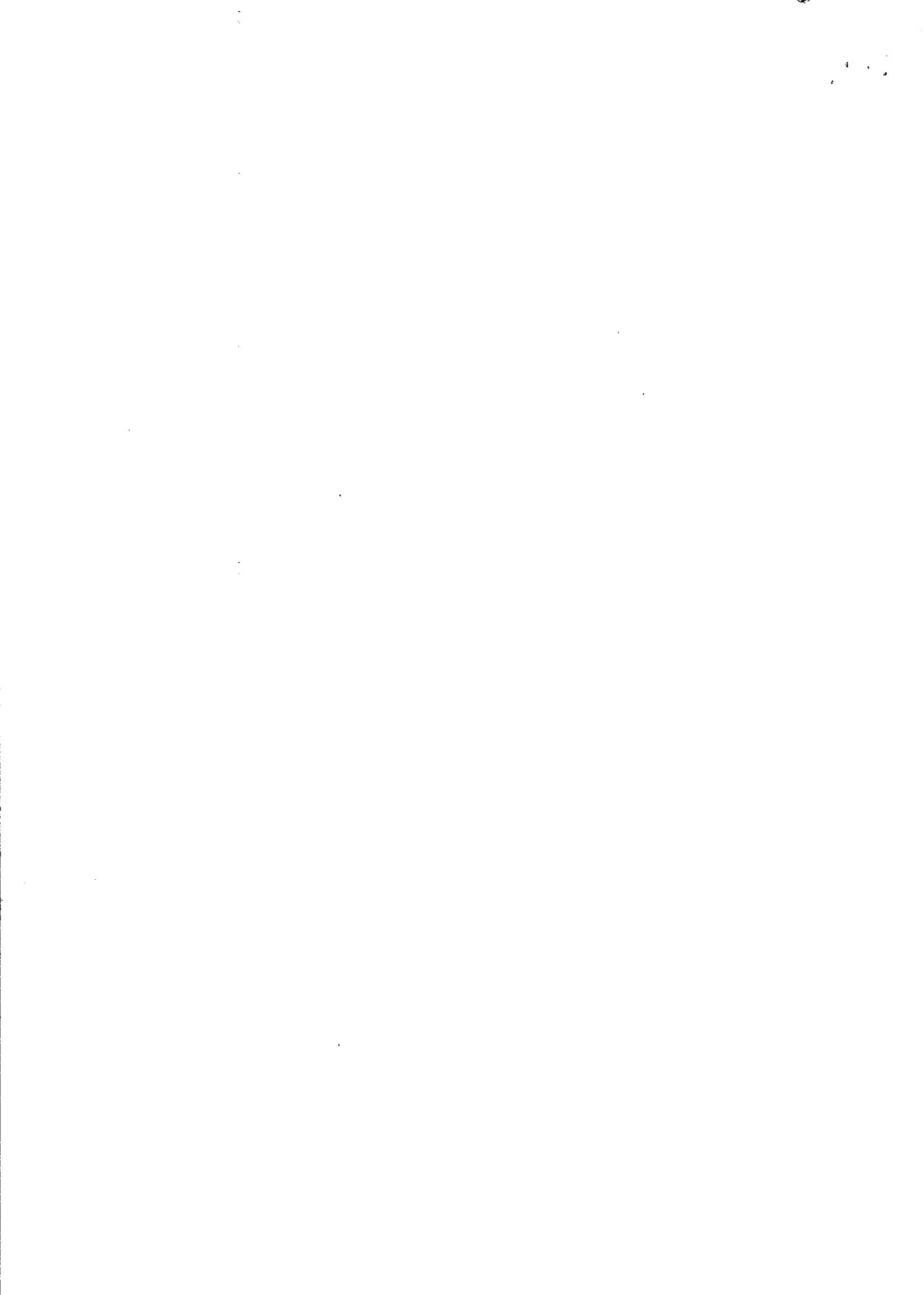
**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận (VBĐT):**

- Công ty CP Hoàng Thuận Phát;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh Phương;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L.



Nguyễn Anh Tuấn



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...22.09./GPMT-UBND ngày 16.. tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt từ quá trình hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất

Nước từ quá trình sản xuất: nước dùng cho phân xưởng nấu, phân xưởng lên men, phân xưởng hoàn thiện, nồi hơi.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận là dòng nước thải sản xuất.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Thủy lợi

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí cửa xả vào mương bê tông thoát nước thôn Như Xuân, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X (m) = 1359026; Y (m) = 596512.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $450 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (tại vị trí bể khử trùng) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) với $C_{max}=C \cdot K_q \cdot K_f$ ( $K_q=0,9; K_f=1,1$ )	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 – 9	6 – 9	03 tháng/lần
2	BOD5	mg/l	30	29,7	
3	COD	mg/l	75	74,25	
4	TSS	mg/l	50	49,5	
5	Sunfua	mg/l	0,2	0,198	
6	Amoni	mg/l	5	4,95	
7	Tổng N	mg/l	20	19,8	
8	Tổng P	mg/l	4	3,96	
9	Coliform	MPN/100ml	3.000	3.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

*1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:*

- Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh trong nhà máy sẽ được thu gom vào hố ga thu gom tập trung, sau đó bằng hệ thống cống  $\Phi 500$  đặt âm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy công suất  $450 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ . Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A, hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$  → Ống uPVC  $\Phi 114$  trong nhà máy → Đầu nối vào hố ga của mương BTCT của UBND xã Vĩnh Phương quản lý → Cống âm  $\Phi 800$  băng ngang đường bê tông → Mương thoát nước bê tông ( $H = 1$ ,  $R = 2$ ) chạy dọc theo đường bê tông (Suối ngỗ) thuộc UBND xã Vĩnh Phương quản lý → Cống âm  $\Phi 800$  chạy dọc đường Quốc lộ 1A (về phía Nam) → Cống âm ( $H = 1$ ,  $R = 2$ ) chạy ngang đường Quốc lộ 1A → Nguồn tiếp nhận: Kênh Thủy lợi.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom và đưa về xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn.

### *1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Tách rác thô → Bể thu gom (B01) → Bể điều hòa (B02) → Bể UASB (B03A/B/C/D/E/F) → Bể

MBBR (B04) → Bể lắng (B06) → Ống xáo trộn tĩnh (SM070) → Bồn tạo bông (T07) → Bể lắng hóa lý (B07A/B) → Bể khử trùng (B08). Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A, hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ .

- Công suất thiết kế: 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (99%), dinh dưỡng, Chlorine (70%), PAC và C-polymer (dạng rắn).

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

Các biện pháp quản lý chung được áp dụng khi gặp sự cố bao gồm:

Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;

Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống;

Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;

Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom bùn cặn từ bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải tập trung đem đi xử lý đúng quy định.

Sử dụng 02 máy bơm (01 hoạt động + 01 dự phòng) để đề phòng trường hợp máy bơm bị hư hỏng.

Để tránh sự cố ngắt nguồn điện, điện của hệ thống xử lý được kết nối với máy phát điện dự phòng

Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Phối hợp UBND xã Vĩnh Phương thường xuyên nạo vét kênh mương.

## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPM-T-UBND ngày...tháng...năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Lò hơi công suất 8 tấn hơi/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

Dòng khí thải thoát qua ống khói lò hơi công suất 8 tấn hơi/giờ

**2.1. Vị trí xả khí thải:** Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):

Vị trí	X (m)	Y (m)
Tại ống khói lò hơi	1359028	0596349

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 14.541 m<sup>3</sup>/giờ.**

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:** Gián đoạn

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT cột B ( $K_p = 1$ ;  $K_v = 0,8$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160	Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400	
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	680	
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800	
5	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: 01 lò hơi công suất 8 tấn hơi/giờ chạy bằng củi, gỗ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: khí thải lò hơi → Bộ hâm bộ sấy → Cyclone chum → Hệ thống túi lọc bụi khô → Quạt hút → Ống khói thải dài 18 m → Nguồn tiếp nhận; Bụi từ Hệ thống túi lọc bụi khô → Thùng chứa bụi → Thu gom định kỳ.

- Các đặc tính, thông số kỹ thuật của lò hơi:

STT	Lò hơi	Đặc tính, thông số kỹ thuật
1	Mã hiệu: DVE/TS/8.000/12 Số chế tạo: 268/2020 Năm chế tạo: 11/2020 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Nồi hơi Đỉnh Việt	- Công suất: 8,0 tấn/h - Áp suất thiết kế: 10 bar - Nhiệt độ môi chất: $\leq 120^{\circ}\text{C}$ - Môi chất làm việc: Nước và hơi nước bão hòa - Nhiên liệu đốt: Củi gỗ

- Nhiên liệu sử dụng: Củi, gỗ.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng lò hơi đầy đủ, thường xuyên.

### Phụ lục 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Bóng đèn huỳnh quang hỏng (16 01 06); dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải (17 02 04); dầu nhiên liệu và dầu diesel thải (17 06 01); giẻ lau dính dầu thải (18 02 01). Khối lượng khoảng 294 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bã hèm, giấy bột lọc, lon sắt, thùng nhựa, xô keo, giấy nhãn ướn, bụi cám lúa mạch, lon bia ép, dây nhựa nylon, bạt đựng lúa mạch, mảnh chai, nắp chai, bùn từ hệ thống xử lý nước thải. Khối lượng phát sinh khoảng 1.248 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 489 kg/tháng.

#### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

##### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa bằng nhựa cứng, từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 15 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: có mái che, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

##### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không có thiết bị lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa ngoài trời: Khu vực tập kết tại nằm gần xưởng sản xuất bia chai.

- Diện tích khu vực lưu chứa ngoài trời: 100 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: có mái che; có bờ bao; có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; nền bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng rác dung tích 50 lít, 120 lít đặt tại các khu vực sản xuất, văn phòng.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: có mái che, mặt sàn kín, không bị thấm thấu, có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt. Nhà kho đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng theo quy định của pháp luật.

Chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý (UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang) trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:** không.

TRƯỜNG  
KHÁNH

